

Chương 4: Ngân sách tiền mặt của doanh nghiệp

1. Khái niệm

Ngân sách tiền mặt chỉ ra dự đoán về lượng tiền mặt phải thu, tiền mặt phải trả và số dư bằng tiền mặt của một kỳ hoặc nhiều kỳ.

2. Ngân sách phải thu tiền mặt

Ví dụ 1: Công ty Đông Dương chuyên cung cấp các dịch vụ có sử dụng liệu pháp thiên nhiên, đã chuẩn bị ngân sách thu phí dịch vụ cho quý III năm N.

Công ty Đông Dương

Ngân sách thu phí dịch vụ quý III năm N

Chỉ tiêu	Tháng 7 (Nghìn đồng)	Tháng 8 (Nghìn đồng)	Tháng 9 (Nghìn đồng)	Tổng cộng quý (Nghìn đồng)
Phí tư vấn				
Tại phòng khám	163.611	156.933	142.464	463.008
Tại gia đình	35.298	33.390	30.528	99.216
Tổng tư vấn	198.909	190.323	172.992	562.224
Doanh thu bán hàng (chưa có VAT)				
Từ vitamin và khoáng chất	27.825	22.737	20.829	71.391
Từ thảo mộc	23.055	24.645	22.737	70.437
Tổng doanh thu	50.880	47.382	43.566	141.828
Thu nhập khác				
Thu từ tiền cho thuê nhà (chưa có VAT)	7.950	7.950	7.950	23.850
Thu lãi từ đầu tư			2.385	2.385
Tổng thu nhập khác	7.950	7.950	10.335	26.235
Tổng cộng doanh thu	257.739	245.655	226.893	730.287

Ngân sách phải thu tiền mặt của công ty Đông Dương được trình bày như bảng dưới đây.

Các khoản doanh thu được thu ngay trong tháng. VAT = 10%.

Lưu ý: Ở đây, các khoản doanh thu từ bán hàng và tiền cho thuê nhà chưa có VAT. Do đó, khi chuẩn bị ngân sách phải thu tiền mặt của Công ty Đông Dương cần tính thêm cả khoản thu thuế bằng tiền mặt.

Công ty Đông Dương

Nghân sách phải thu tiền mặt cho quý kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm N

Chỉ tiêu	Tháng 7 (Nghìn đồng)	Tháng 8 (Nghìn đồng)	Tháng 9 (Nghìn đồng)	Tổng cộng quý (Nghìn đồng)
Phí tư vấn nhận được	198.909	190.323	172.992	562.224
Doanh thu bán hàng	55.968	52.120,2	47.922.6	156.010,8
Thu tiền từ cho thuê nhà	8.745	8.745	8.745	26.235
Thu lãi từ đầu tư			2.385	2.385
Tổng cộng phải thu tiền mặt	263.622	251.188,2	232.044,6	746.854,8

Bài tập tự đánh giá:

Học viện âm nhạc Thành Công có các thông tin sau về ngân sách thu nhập cho quý I năm N.

Học viện Âm nhạc Thành Công

Nghân sách thu nhập quý I năm N

Chỉ tiêu	Tháng 7 (Nghìn đồng)	Tháng 8 (Nghìn đồng)	Tháng 9 (Nghìn đồng)	Tổng cộng quý (Nghìn đồng)
Thu nhập từ phí				
Tự dạy Guita	99.220	85.860	98.580	283.660
Tự dạy Piano	104.940	93.810	93.810	292.560
Tự dạy kèn đồng và nhạc cụ gỗ	38.160	30.180	41.340	109.680
<i>Tổng thu từ phí</i>	<i>242.320</i>	<i>209.850</i>	<i>233.730</i>	<i>685.900</i>
Doanh thu từ bán nhạc cụ (chưa có VAT 10%)				
Đàn Guita	15.900	12.720	19.080	47.700
Kèn đồng và nhạc cụ gỗ	9.540	12.720	14.310	36.570
<i>Tổng doanh thu và nhạc cụ</i>	<i>25.440</i>	<i>25.440</i>	<i>33.390</i>	<i>84.270</i>
Tổng thu nhập	267.760	235.290	267.120	770.170

3. Ngân sách phải trả tiền mặt

Ví dụ 2: Trong khi chuẩn bị ngân sách, công ty Đông Dương ước tính các khoản chi phí chi tiết như sau:

Khoản mục chi phí	Chi tiết
Chi mua dầu, khoáng chất, vitamin và thảo dược	381.600.000 đồng/năm, tính cho 12 tháng
Tiền thuê nhà (chưa có VAT)	23.800.000 đồng/ tháng
Tiền giặt là (chưa có VAT)	28.620.000 đồng/năm, tính cho 12 tháng
Chi điện thoại	3.180.000 đồng/quý, phải trả vào tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12
Tiền bảo hiểm	19.080.000 đồng phải trả vào tháng 8
Chi phí đồ dùng văn phòng	Tháng 1 – 2.385.000 đồng, Tháng 7 – 3.180.000 đồng
Chi phí đi lại bằng ô tô	11.130 đồng/km, ước tính cho tháng 7 – 230 km, tháng 8 – 210 km, tháng 9 – 190 km
Chi phí khấu hao	38.160.000 đồng/ năm

Công ty Đông Dương dự định mua một bàn massage mới vào tháng 7 với giá thanh toán là 4.770.000đ. VAT – 10%

Ngân sách phải trả tiền mặt của công ty Đông Dương cho quý kết thúc vào ngày 30 tháng 9 được cho như dưới đây. Nên nhớ rằng, công ty Đông Dương hoạt động chủ yếu dựa vào tiền mặt.

Công ty Đông Dương

Ngân sách phải trả tiền mặt cho quý kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm N

Chỉ tiêu	Tháng 7 (Nghìn đồng)	Tháng 8 (Nghìn đồng)	Tháng 9 (Nghìn đồng)	Tổng cộng quý (Nghìn đồng)
Chi phí mua hàng	31.800	31.800	31.800	95.400
Chi phí thuê nhà	26.180	26.180	26.180	78.540
Chi phí giặt là	2.623,5	2.623,5	2.623,5	7.870,5
Tiền điện thoại			3.180	3.180

Tiền bảo hiểm		19.080		19.080
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.180			3.180
Chi phí đi lại bằng ô tô	2.559,9	2.337,3	2.114,7	7.011,9
Bàn massage	4.770			4.770
Tổng cộng phải trả tiền mặt	71.113,4	82.020,8	65.898,2	219.032,4

Lưu ý rằng chi phí khấu hao đã được loại trừ và nó không liên quan đến phải trả tiền mặt.

Bài tập tự đánh giá

Thanh Nga điều hành một hiệu tóc. Giả sử cô ấy thuê bạn chuẩn bị một báo cáo ngân sách phải trả tiền mặt cho quý II năm N. Bạn được cung cấp những thông tin liên quan dưới đây.

Khoản mục chi phí	Chi tiết
Chi quảng cáo	Tháng 4: 2.703.000 đồng Tháng 5: 2.544.000 đồng Tháng 6: 3.180.000 đồng
Phí ngân hàng	4.770.000 đồng/năm, tính đều cho 12 tháng
Chi vệ sinh	Tháng 4: 3.021.000 đồng Tháng 5: 3.180.000 đồng Tháng 6: 3.021.000 đồng
Chi phí khấu hao	Thiết bị văn phòng: 19.080.000 đồng Thiết bị mỹ viện” 38.160.000 đồng
Lương nhân viên làm tóc	Tháng 4: 82.680.000 đồng Tháng 5: 83.475.000 đồng Tháng 6: 84.270.000 đồng
Chi phí thay thế đồ dùng	Tháng 5: 2.862.000 đồng
Chi phí mua nguyên liệu (chưa bao gồm VAT)	Tháng 4: 12.720.000 đồng Tháng 5: 13.515.000 đồng Tháng 6: 13.038.000 đồng
Lãi vay phải trả	Tháng 4: 8.109.000 đồng Tháng 5: 6.996.000 đồng Tháng 6: 5.724.000 đồng

Tiền điện (chưa bao gồm VAT)	12.402.000 đồng phải trả trong tháng 4
Chi phí lương nhân viên văn phòng	27.402.000 đồng
Tiền thuê nhà	Tháng 4: 34.344.000 đồng Tháng 5: 34.344.000 đồng Tháng 6: 38.160.000 đồng
Đồ dùng văn phòng và bưu phí	1.908.000 đồng phải trả trong tháng 6
Bảo hiểm	23.850.000 đồng phải trả trong tháng 5

Thanh Nga có dự định mua một thiết bị mới vào tháng 4 với giá mua chưa có thuế là 23.850.000 đồng. Thanh Nga kinh doanh hoạt động chủ yếu dựa vào tiền mặt. VAT = 10%.

Yêu cầu: Chuẩn bị ngân sách phải trả tiền mặt cho quý II năm N.

4. Xác định quỹ tiền mặt

Quỹ tiền mặt gồm:

- Số dư đầu kỳ.
- (Cộng) các khoản phải thu tiền mặt
- (Trừ) các khoản tiền mặt hiện có
- Số dư cuối kỳ

Sử dụng ví dụ của công ty Đông Dương về ngân sách phải thu tiền mặt và ngân sách phải trả tiền mặt có liên quan ở phần trên, yêu cầu chuẩn bị ngân sách tiền mặt. Số dư đầu kỳ vào ngày 1 tháng 7 loại trừ tiền mặt gửi ngân hàng là 38.001.000đồng.

Công ty Đông Dương

Ngân sách tiền mặt cho quý kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm N

Chỉ tiêu	Tháng 7 (Nghìn đồng)	Tháng 8 (Nghìn đồng)	Tháng 9 (Nghìn đồng)
Số dư đầu kỳ	38.001	230.509,6	399.677
Phải thu tiền mặt (cộng)	263.622	251.188,2	232.044,6
Tiền mặt hiện có	301.623	481.697,8	65.898,2
Phải trả tiền mặt (trừ)	71.113,4	82.020,8	65.898,2
Số dư cuối kỳ	230.509,6	399.677	565.823,4

Nếu số dư cuối kỳ âm (biểu lộ sự thiếu hụt), điều này chứng tỏ công ty bội chi hoặc sẽ phải điều chỉnh lại tình hình tài chính. Theo đó, các khoản phải trả tiền mặt sẽ

phải hoãn lại cho đến khi ngân quỹ cân bằng. Lưu ý rằng số dư cuối tháng 7 trở thành số dư đầu kỳ ngày 1 tháng 8 và cứ tiếp tục như vậy cho đến tháng sau.

Ngân sách tiền mặt được trình bày dưới định dạng tổng hợp. Một ngân sách tiền mặt chi tiết được chuẩn bị có nghĩa là các khoản phải thu và các khoản phải trả cần thiết phải được ghi nhận chi tiết trong ngân sách. Ngân sách tiền mặt chi tiết sẽ có liên quan tới các chương tiếp theo.

Ví dụ: Sau khi chuẩn bị ngân sách doanh thu, ngân sách mua hàng, ngân sách giá vốn hàng bán, ngân sách chi phí khác, kế hoạch thu từ tài khoản phải thu và phải trả từ tài khoản phải trả, công ty Hoàng Hoa đã chuẩn bị ngân sách tiền mặt cho quý I như sau:

Công ty Hoàng Hoa
Ngân sách tiền mặt quý I

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Số dư tiền mặt đầu kỳ	(66.223.500)	238.404.600	12.084.000
Các khoản phải thu			
Tiền mặt từ bán hàng	592.116.000	372.409.800	454.215.300
Phải thu từ tài khoản phải thu	244.637.400	316.314.600	386.433.600
Tổng phải thu tiền mặt	836.753.400	688.724.400	840.648.900
<i>Tiền mặt có thể đáp ứng nhu cầu</i>	<i>770.529.900</i>	<i>927.129.000</i>	<i>828.564.900</i>
Các khoản phải trả			
Tiền mặt phải trả mua hàng	154.261.800	245.416.500	238.404.600
Tài khoản phải trả	198.670.500	397.738.500	169.446.300
Chi phí marketing	89.040.000	89.040.000	89.040.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	90.153.000	90.153.000	90.153.000
Mua trang thiết bị		116.865.000	
Tổng các khoản phải trả	532.125.300	939.213.000	587.043.900
Số dư tiền mặt cuối kỳ	238.404.600	(12.084.000)	241.521.000

Ngân sách tiền mặt như trên cũng có thể được thực hiện cho các khoản phải thu và các khoản phải trả cá nhân nếu nhà quản lý yêu cầu chi tiết.

Bài tập tự đánh giá:

Có các thông tin sau đây được cung cấp bởi công ty Đức Minh:

Đơn vị: đồng

Tiền mặt tại quỹ 30/9	40.545.000
Tài khoản phải trả - 30/9	121.635.000
Doanh thu bán chịu thực tế	Tháng 7 – 300.510.000 Tháng 8 – 233.730.000 Tháng 9 – 128.790.000
Doanh thu bán chịu ước tính	Tháng 10 – 209.880.000 Tháng 11 – 243.270.000 Tháng 12 – 181.260.000

Doanh thu tiền mặt ước tính	Tháng 10 – 362.520.000 Tháng 11 – 228.006.000 Tháng 12 – 278.091.000
Mua chịu ước tính	Tháng 10 – 243.508.500 Tháng 11 – 103.747.500 Tháng 12 – 204.394.500
Mua bằng tiền mặt ước tính	Tháng 10 – 94.446.000 Tháng 11 – 150.255.000 Tháng 12 – 145.962.000

- Khách nợ thanh toán 80% vào tháng sau tháng bán hàng, 20% thanh toán vào tháng thứ 2 sau tháng bán hàng.
- Hàng hóa mua chịu được thanh toán vào tháng sau;
- Chi phí tiền lương là 109.710.000 đồng được trả mỗi tháng; chi phí bảo hiểm là 71.550.000 đồng đến hạn trả vào tháng 12.

Yêu cầu: Chuẩn bị ngân sách tiền mặt qua các tháng 10, 11, 12.

Kiểm tra:

Thực hiện các yêu cầu sau:

- Chuẩn bị ngân sách phải thu tiền mặt cho các doanh nghiệp thương mại và các tổ chức dịch vụ khác.
- Chuẩn bị ngân sách phải trả tiền mặt cho các doanh nghiệp thương mại và các tổ chức dịch vụ khác.
- Chuẩn bị ngân sách tiền mặt chi tiết cho các doanh nghiệp thương mại và các tổ chức dịch vụ khác.

BÀI TẬP CHƯƠNG 4

Bài 1: Phòng khám răng Hoa Hướng Dương cung cấp cho bạn thông tin ngân sách doanh thu như sau:

Phòng khám răng Hoa Hướng Dương

Ngân sách doanh thu năm N

	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng
Các dịch vụ chuyên nghiệp					
Số lần khám răng tại nhà	1.431	1.590	1.495	1.558	
Phí trung bình (đồng/lần)	127.200	127.200	135.150	135.150	
<i>Thu nhập từ phí (đồng)</i>	182.023.200	202.248.000	202.049.250	210.563.700	796.884.150
Doanh thu – Từ thiết bị phẫu thuật chỉnh răng					
Sản lượng (lần)	65	56	70	84	
Giá bán bình quân (đồng/sản phẩm, chưa bao gồm VAT)	15.900.000	17.490.000	17.490.000	18.280.500	
<i>Doanh thu (đồng)</i>	1.033.500.00 0	979.440.000	1.224.300.00 0	1.535.562.00 0	4.772.802.00 0
Thu nhập khác					
Thu nhập từ đầu tư (đồng)	15.900.000	15.900.000	17.490.000	17.490.000	66.780.000
<i>Tổng thu nhập từ thu nhập khác</i>	63.600.000	15.900.000	73.140.000	17.490.000	170.130.000
Tổng doanh thu (đồng)	1.279.123.20 0	1.197.588.00 0	1.499.489.25 0	1.763.615.70 0	5.739.816.15 0

Phòng khám răng hoạt động dựa trên cơ sở hoàn toàn bằng tiền mặt

Yêu cầu: Chuẩn bị ngân sách phải thu tiền mặt năm N cho công ty.

Bài 2: Dưới đây là thông tin liên quan tới phòng khám của bác sĩ Dũng cho quý kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm N.

Đơn vị: đồng

Phí kế toán	15.900.000 một năm, đã trả vào tháng 12
Khấu hao	
- Thiết bị văn phòng	14.310.000 một năm
- Thiết bị khám răng	39.750.000 một năm
Mua thuốc gây tê và đồ băng bó	Tháng 10 – 6.837.000 Tháng 11 – 6.360.000 Tháng 12 – 7.155.000
Thay thế thiết bị phẫu thuật và công cụ phẫu thuật	12.720.000 phải trả vào tháng 10
Giặt là vệ sinh	7.950.000 một quý phải trả vào tháng 11
Thuê ô tô	20.670.000 mỗi tháng
Chi phí đi lại bằng ô tô	Tháng 10 – 11.289.000 Tháng 11 – 10.971.000 Tháng 12 – 11.766.000
Phí cho các hiệp hội chuyên nghiệp	15.900.000 phải trả vào tháng 12
Tiền thuê nhà (chưa có VAT)	50.880.000 mỗi tháng
Đồ dùng văn phòng	Tháng 10 – 2.385.000 Tháng 11 – 1.908.000
Tiền lương	
- Nhân viên/lễ tân	27.825.000/một tháng
- Y tá phẫu thuật	42.930.000/một tháng

Phòng khám của bác sĩ Dũng hoạt động dựa trên cơ sở hoàn toàn bằng tiền mặt. VAT = 10%.

Yêu cầu: Chuẩn bị ngân sách phải trả tiền mặt cho 3 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm N.

Bài 3: Theo bài 2, ước tính số dư đầu kỳ của tiền mặt tại ngân quỹ vào ngày 1 tháng 10 là 85.065.000 đồng. Ước tính tiền mặt phải thu là: Tháng 10 là 201.135.000 đồng; Tháng 11 là 219.102.000 đồng; tháng 12 là 261.078.000 đồng.

Yêu cầu: Chuẩn bị ngân sách tiền mặt cho quý IV năm N.

Bài 4: Doanh số bán hàng thực tế theo mong đợi của công ty Khai trí như sau:

Tháng	Sản phẩm
Tháng 7	1.340
Tháng 8	1.260
Tháng 9	1.200
Tháng 10	1.320
Tháng 11	1.300
Tháng 12	1.390

Giá bán trung bình là 318.000 đồng (Chưa có VAT) tính trên đơn vị sản phẩm.

Phương thức thanh toán: Trả chậm

Các khoản phải thu như sau: 10% thu được sau bán hàng; 70% doanh thu thu được vào tháng sau tháng bán hàng; 20% doanh thu còn lại thu vào tháng thứ 2 sau tháng bán hàng.

Yêu cầu: Chuẩn bị kế hoạch thu của khách hàng cho quý IV năm N.